TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIẾT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2019
V/v: "Ly hôn giữa bà Hg và ông H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa.

2. Bà Hồ Thị Ngân.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích Hg, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Số 49/4, đường C V A, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú 1: Số 205, ấp Th T, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ cư trú 2: Số 204/4, đường C M T T, khu phố 1, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Bích Hg trình bày: Bà Hg và ông H tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố R G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2009.

Lý do bà Hg yêu cầu xin ly hôn: Bà Hg cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày. Nguyên nhân do ông H thường xuyên ăn nhậu, đánh bài bạc rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm và nhiều lần đánh đập bà Hg, từ đó cuộc sống vợ chồng Hg luôn căng thẳng, thường hay cự cãi với nhau. Cả hai đã nhiều lần tự H giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng Hg, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ tháng 03/2019 cho đến nay, cả hai không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hg yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày 01/10/2012, hiện đang sống với bà Hg.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hg xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Hg yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Hg yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông H yêu cầu vợ chồng Hg được đoàn tụ, bà Hg không đồng ý và cương quyết xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Hg yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày 01/10/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng x 02 người con = 3.000.000 đồng, cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Bà Hg đồng ý nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hg xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trần Văn H trình bày*: Ông H xác nhận về quan hệ hôn nhân, ông H và bà Hg tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn như bà Hg trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng Hg, ông H xác nhận nguyên nhân vợ chồng Hg xảy ra mâu thuẫn như bà Hg trình bày là đúng. Thời gian qua ông H đã nhận thấy lỗi lầm, sai trái của mình. Ông H vẫn còn tình cảm, còn yêu thương bà Hg và các con. Vì vậy, ông H yêu cầu vợ chồng Hg được đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con, xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc và để ông H có cơ hội sửa chữa lỗi lầm đã gây ra. Ông H xác nhận vợ chồng Hg đã ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày 01/10/2012.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông H không đồng ý ly hôn và yêu cầu vợ chồng Hg được đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà Hg và ông H ly hôn với nhau thì về con chung ông H đồng ý giao 02 người con cho bà Hg trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng x 02 người con = 3.000.000 đồng, cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà Hg và ông H cùng xác nhận, bà Hg, ông H tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2009. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hg, ông H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hg, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng Hg bà Hg, ông H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, do ông H thường ăn nhậu, có những lời lẽ xúc phạm và nhiều lần đánh đập bà Hg, từ đó vợ chồng Hg phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng Hg không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với bà Hg nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, thực tế thấy rằng từ thời điểm đôi bên xảy ra bất hòa, vợ chồng Hg sống ly thân cho đến nay ông H không có giải pháp nào, cũng như hành động cụ thể nào để giải quyết mâu thuẫn hiện tại, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng Hg. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Hg thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, bà Hg và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 03/2019 cho đến nay, đôi bên đã bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Hg và ông H đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hg được ly hôn với ông H. Bác yêu cầu của ông H không đồng ý ly hôn với bà Hg.

[3] Về con chung: Bà Hg, ông H xác nhận vợ chồng Hg có 02 người con chung tên Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày 01/10/2012, hiện đang sống với bà Hg.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 25/4/2019, hai người con Trần Tuấn H1 và Trần Kim H2 đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Hg.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Hg và ông H: Ông H đồng ý giao 02 người con Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày

01/10/2012 cho bà Hg trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng x 02 người con = 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng là vào ngày 05/8/2019 và thực hiện cấp dưỡng tiếp theo vào ngày 05 hàng tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hg và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hg phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông H còn phải nộp án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Bích Hg và ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Hg và ông H: Ông H đồng ý giao 02 người con Trần Tuấn H1, sinh ngày 01/8/2008 và Trần Kim H2, sinh ngày 01/10/2012 cho bà Hg trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng x 02 người con = 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng là vào ngày 05/8/2019 và thực hiện cấp dưỡng tiếp theo vào ngày 05 hàng tháng.

Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G thực hiện.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hg, ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm**:** Bà Hg phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà Hg đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001614, ngày 04/4/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà Hg được khấu trừ.

Ông H còn phải nộp án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật số tiền 300.000 đồng

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa